



Review article

Trends of Change in and the Future of Higher Education

Ngo Tu Lap*

*VNU International Francophone Institute,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 29 November 2018

Revised 03 December 2018; Accepted 04 December 2019

Abstract: Since the foundation of the first modern university in Berlin in 1809 as a realization of Immanuel Kant's idea, this special institution has gone through many changes in terms of functions and operational models. The most significant trend today is probably *Uberization* involving all aspects of higher education. Uberization, in our opinion, will lead to the non-campus higher education model and perhaps the death of the traditional university.

Keywords: Higher education, Uberization, new technologies, non-campus higher education.

* Corresponding author.

E-mail address: ngotulap@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4196>



Review article

Những xu hướng thay đổi và tương lai của giáo dục đại học

Ngô Tụ Lập*

*Viện Quốc tế Pháp ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 11 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 12 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 04 tháng 12 năm 2018

Tóm tắt: Kể từ khi ra đời năm 1809 tại Berlin như là sự hiện thực hóa ý tưởng của triết gia Khai sáng Immanuel Kant, trường đại học hiện đại đã có nhiều thay đổi về chức năng và mô hình hoạt động. Xu hướng đáng chú ý nhất hiện nay có lẽ là *Uber hóa*, một xu hướng bao trùm mọi thành tố của giáo dục đại học, từ học liệu, cơ sở vật chất, giảng viên đến chương trình đào tạo. Xu hướng Uber hóa, theo chúng tôi, sẽ dẫn đến mô hình đại học *phi học đường* và có thể là sự tiêu vong của trường đại học truyền thống.

Từ khóa: Giáo dục đại học, Uber hóa, công nghệ mới, giáo dục phi-học đường.

1. Nhập đề

Ở Việt Nam cũng như trên thế giới, trong những thập niên gần đây, khủng hoảng giáo dục đại học trở thành một đề tài tranh luận gay gắt. Gerald Graff, mở đầu cuốn sách đoạt Giải thưởng Sách Quốc Gia *Beyond the Culture Wars: How Teaching the Conflicts Can Revitalize American Education* (Vượt qua những cuộc chiến văn hoá: Giảng dạy mâu thuẫn có thể giúp phục hồi nền giáo dục Mỹ ra sao) như sau: "Nếu tin vào những gì chúng ta đọc gần đây, nền giáo dục đại học Mỹ đang ở

trong tình trạng thê thảm"¹ [1]. Bill Readings thậm chí còn nặng lời hơn: ông đặt cho cuốn chuyên khảo xuất sắc của mình về nền giáo dục đại học Bắc Mỹ một cái nhan đề gây sốc, *The University in Ruins* (Trường đại học trong cảnh đổ nát) [2]. Nhiều người lên tiếng báo động về tình trạng chất lượng giáo dục suy giảm, dẫn đến tình trạng sinh viên tốt nghiệp đại học không tìm được việc làm, hoặc phải làm những việc không đúng ngành nghề đào tạo. Trong rất nhiều lý do, một lý do thường được nhắc đến là tác động tiêu cực của xu hướng thương mại hóa giáo dục. Chúng tôi cho rằng điều đó chỉ đúng

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ Email: ngotulap@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4196>

¹ "If we believe what we have been reading lately, American higher education is in a disastrous state". Graff, Gerald *Beyond the Culture Wars: How Teaching the Conflicts Can Revitalize American Education*, New York: Norton, 1993, tr. 3.

một phần. Vấn đề việc làm, nhất là việc làm đúng ngành nghề, của sinh viên sau khi tốt nghiệp là vấn đề phức tạp và có tính thời điểm, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó một trong những yếu tố quan trọng nhất là nhu cầu của nền kinh tế. Mặt khác, thương mại hóa giáo dục cũng không chỉ có tác động tiêu cực. Theo chúng tôi, những gì đang diễn ra là hệ quả của những thay đổi mang tính bản chất của giáo dục đại học, thể hiện trước hết ở chức năng, mô hình hoạt động và đối tượng của nó.

2. Những thay đổi về chức năng: từ dạy nghề đến khai sáng và mỹ phẩm trí tuệ

Như chúng ta đều biết, trường đại học hiện đại đầu tiên trên thế giới được Wilhelm von Humboldt thành lập năm 1809 tại Berlin. Kể từ thời điểm đó, thiết chế đặc biệt này đã có những thay đổi đáng kể về mặt chức năng. Theo chúng tôi, trường đại học hiện nay có bốn chức năng cơ bản. Các chức năng này xuất hiện trong và do những điều kiện lịch sử cụ thể. Tầm quan trọng của chúng cũng thay đổi theo các điều kiện lịch sử khác nhau.

Chức năng đầu tiên của của đại học là dạy nghề, hay “đào tạo nhân lực”. Đó cũng là chức năng truyền thống, gắn liền với các trường đại học từ thời Trung cổ.

Trong trường đại học Trung cổ phương Tây, như Immanuel Kant đã phân tích trong *Xung đột giữa các khoa* (The Conflict of the Faculties), các khoa được phân thành hai đẳng cấp, gồm ba *Thượng khoa* là Thần học, Luật học và Y học, một *Hạ khoa*, là Triết học (bao gồm cả các ngành khoa học xã hội và nhân văn). Các Thượng khoa nằm trong mối quan tâm của quyền lực nhà nước vì chúng dạy người dân tuân theo các quy tắc xã hội, nghĩa là đào tạo các thần dân, những người thừa hành, còn Hạ khoa (Khoa Triết học), ngược lại, bị coi thường vì nó chỉ dạy việc sử dụng lý trí một cách tự do [3].

Các trường đại học trung cổ phương Đông cũng có bản chất dạy nghề tương tự. Mục đích chủ yếu của giáo dục đại học ở Trung Hoa và

Việt Nam, chẳng hạn, là đào tạo quan lại cho bộ máy cai trị - nói bằng ngôn ngữ hiện đại thì đó là trường “quản trị công”. Tóm lại, đại học trung cổ về bản chất là trường nghề.

Chức năng Khai sáng là chức năng cốt lõi của đại học hiện đại mà cha đẻ tinh thần là Immanuel Kant. Theo Kant và các nhà tư tưởng đương thời, con người có một năng lực phổ quát gọi là *lý trí* mà nếu được sử dụng tự do có khả năng giúp con người khám phá thế giới và hành động đúng đắn, hợp với quy luật tự nhiên. Tuy nhiên, phần lớn nhân loại không có khả năng sử dụng lý trí một cách tự do, vì thế chỉ là những người vị thành niên về trí tuệ. Trong tiểu luận quan trọng “*Khai sáng là gì*”, Kant cho rằng chức năng chính của đại học là giúp người học thoát khỏi tình trạng vị thành niên về trí tuệ đó, để họ có thể “sử dụng tri thức của mình mà không cần sự chỉ dẫn của người khác.” [4] Chức năng khai sáng của trường đại học hiện đại được thực hiện qua vai trò trung tâm của khoa Triết học (các môn khoa học xã hội và nhân văn). Nền tảng của trường đại học hiện đại chính là sự thâm vấn không ngừng của lý trí và trường đại học phải là một không gian tự trị dựa trên tinh thần phê phán để đào tạo con người tự do. Ý tưởng của Kant về trường đại học hiện đại được Humboldt hiện thực hóa lần đầu tiên tại Berlin. Như vậy, với trường đại học hiện đại, trọng tâm được chuyển từ chức năng dạy nghề sang chức năng khai sáng.

Chức năng sản xuất là một chức năng tương đối mới, xuất hiện khoảng giữa thế kỷ 20 và gắn liền với sự hình thành và lớn mạnh của nền kinh tế tri thức. Trong nền kinh tế truyền thống, đại học có nhiệm vụ chuẩn bị cho quá trình sản xuất bằng cách đào tạo nhân lực. Trong nền kinh tế tri thức, trường đại học trở thành một mắt xích của quá trình sản xuất. Đối với các ngành sản xuất có công nghệ cao, các công đoạn sản xuất quan trọng nhất - nghiên cứu, thiết kế và thử nghiệm - đều được thực hiện chủ yếu trong phòng thí nghiệm của các trường đại học. Trường đại học sản xuất ra sản phẩm hoàn chỉnh, còn nhà máy chỉ có nhiệm vụ nhân bản mà thôi. Vì thế, trường đại học không chỉ tham gia vào quá trình sản xuất theo nghĩa

thông thường, mà bản thân nó cũng trở thành một doanh nghiệp sản xuất và bán tri thức dưới nhiều hình thức: Các trường đại học có thể ký hợp đồng nghiên cứu như một loại dịch vụ, hoặc có thể chủ động đầu tư nghiên cứu rồi sau đó thương mại hóa kết quả. Không những thế, vì tri thức trở thành một thứ hàng hóa ngày càng quan trọng có thể mua bán, trao đổi trên thị trường, nhiều trường đại học phương Tây trở thành những tập đoàn kinh doanh giáo dục. Họ thành lập những bộ phận “Giáo dục quốc tế”, chuyên khai thác thị trường giáo dục ở các nước đang phát triển. Nhiều học giả trên thế giới gọi đó là “Chủ nghĩa thực dân học thuật.”

Chức năng thứ tư là chức năng phát triển cá nhân, một chức năng nổi lên cùng với sự phát triển đến một trình độ tương đối cao của xã hội. Để hiểu chức năng này, chúng ta có thể liên hệ với dịch vụ làm đẹp. Ở các xã hội có trình độ phát triển thấp, việc làm đẹp là xa xỉ đối với đại đa số người dân. Nhưng khi xã hội sung túc hơn, việc làm đẹp trở nên phổ biến. Nhiều loại mỹ phẩm mới ra đời, và không chỉ phụ nữ trẻ, mà cả người già, nam giới cũng có nhu cầu làm đẹp. Bây giờ quần áo không chỉ có chức năng giữ ấm mà còn có chức năng trang điểm cho cơ thể. Các đồ đạc, nhà cửa ngày càng mang nhiều chức năng thẩm mỹ ngoài các công dụng thông thường. Người ta còn áp dụng cả các thành tựu y học vào việc làm đẹp. Giải phẫu thẩm mỹ trở thành một trào lưu ở nhiều nước. Nhu cầu làm đẹp dẫn đến sự hình thành của cả một nền kinh tế làm đẹp.

Nhưng nhu cầu làm đẹp không chỉ dừng ở các khía cạnh vật chất, mà còn thể hiện ở cả phương diện tinh thần, đặc biệt là về mặt trí tuệ. Con người trong xã hội càng phát triển càng có nhu cầu hiểu biết, không phải để trở thành “nhân lực chất lượng cao”, mà nhằm tự hoàn thiện. Nhiều người đã có bằng cấp và việc làm vẫn đăng ký học các chuyên ngành khác. Ở Hàn Quốc, do truyền thống, nhiều phụ nữ ngừng đi làm sau khi lập gia đình nhưng vẫn theo học tại các trường đại học, và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông học lên đại học là 81-84%. Thật là vô lý khi đòi hỏi mọi sinh viên ra trường phải làm đúng ngành nghề đào tạo. Bởi lẽ, càng ngày

càng có nhiều người học đại học đơn thuần chỉ vì sự phát triển cá nhân - chúng tôi xin gọi đó là một thứ “mỹ phẩm trí tuệ” (intellectual cosmetics). Nhu cầu về “mỹ phẩm trí tuệ” đang tăng lên không ngừng tại hầu hết các nước và đó một xu hướng tự nhiên và lành mạnh. Vì thế, việc đáp ứng nhu cầu ấy cũng đang trở thành một dịch vụ tự nhiên và lành mạnh.

Dĩ nhiên, tất cả các trường đại học đều ít nhiều phải thực hiện cả bốn chức năng, nhưng mức độ thì khác nhau. Trong nền giáo dục đại học của một quốc gia như Việt Nam hiện nay, theo chúng tôi, cần có một số ít trường đại học tinh hoa, có nhiệm vụ đào tạo các trí thức, các nhà lãnh đạo tinh hoa, đóng vai trò tiên phong về trí tuệ của dân tộc. Các trường này tuyển sinh khắt khe và hạn chế về số lượng, nhưng cần được đầu tư rất tốt từ ngân sách nhà nước - về bản chất đó là sự đầu tư của cả dân tộc để đào tạo nhân tài. Có lẽ Việt Nam hiện nay chỉ nên có hai hoặc ba trường như vậy. Bên cạnh đó, Việt Nam nên có một số trường đại học nghiên cứu thực hành, có khả năng thực hiện chức năng sản xuất, gắn kết nghiên cứu với sản xuất. Đầu tư cho các trường này một phần đến từ ngân sách nhà nước, một phần khác đến từ các hợp đồng sản xuất. Số trường như vậy ở Việt Nam có lẽ chỉ nên chiếm khoảng 20 đến 25%. Các trường còn lại, tức là khoảng 75-80%, nên tập trung vào giảng dạy và chủ yếu thực hiện chức năng đào tạo nhân lực và đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân, tức là cung cấp dịch vụ mỹ phẩm trí tuệ. Đầu tư cho các trường đại học này chủ yếu đến từ thị trường. Người học trả học phí cho trường đại học như là khoản đầu tư cá nhân để nhận được dịch vụ đào tạo nhân lực, sau đó sẽ thu hồi khi làm việc trong tương lai. Một số công ty cũng có thể đầu tư bằng cách trả học phí cho nhân lực tương lai của họ. Đối với đầu tư cho các trường cung cấp dịch vụ mỹ phẩm trí tuệ, chúng ta nên để thị trường điều tiết.

Tóm lại, giáo dục đại học có những chức năng khác nhau, đòi hỏi cách tiếp cận khác nhau. Đó là một trong những lý do chúng ta không chỉ cần phải chấp nhận mà còn phải chủ động kinh doanh giáo dục đại học một cách hợp

lý. Vấn đề là phải có một khuôn khổ pháp lý phù hợp và hiệu quả, bởi lẽ giáo dục, cũng như y tế, là một lĩnh vực đặc biệt, liên quan đến con người. Những trường đại học tư vì lợi nhuận vừa phải chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp vừa phải chịu sự điều chỉnh của luật giáo dục đại học.

3. Những thay đổi về mô hình hoạt động: từ Uber hóa đến đại học phi học đường

3.1. Uber hóa như là một xu hướng

Sự xuất hiện gần đây của Uber và Grab đã gây nên nhiều tranh cãi và phản đối, đặc biệt là từ phía các hãng taxi truyền thống và cả một số nhà quản lý. Nhưng xu hướng chia sẻ, mà chúng tôi gọi là “Uber hóa”, là một xu hướng đang trở nên ngày càng phổ biến trong tất cả lĩnh vực của xã hội. Giáo dục đại học dĩ nhiên cũng không phải là ngoại lệ. Cuộc cạnh tranh giữa taxi truyền thống và taxi Uber hiện nay thật ra đang phản ánh một cuộc đấu tranh có bản chất sâu xa hơn: cuộc đấu tranh giữa một phương thức kinh doanh cũ đang nhanh chóng trở thành lỗi thời với một phương thức kinh doanh mới thuộc về tương lai. Có thể nói rằng Uber hóa là một trong những biểu hiện tiêu biểu của nền kinh tế mới, hay cách mạng công nghiệp 4.0 như cách nói đang thời thượng hiện nay.

Ý tưởng trung tâm của Uber và Grab là huy động xe hơi cá nhân tham gia vào hoạt động vận tải hành khách công cộng, nhờ đó tăng hiệu quả sử dụng của chúng: chủ xe có thêm thu nhập, khách hàng được giảm cước phí, thành phố bớt ùn tắc giao thông, môi trường đỡ bị hủy hoại nhờ giảm bớt khí thải.

Thực ra ý tưởng này không mới. Từ nhiều thập niên trước, ở nhiều quốc gia đã có dịch vụ đi xe chung (tiếng Anh gọi là *carpooling*) - những người có nhu cầu sử dụng xe hơi tương đối giống nhau thỏa thuận đi chung xe để giảm chi phí mua, bảo trì và các chi phí khác liên quan đến xe hơi. *Carpooling* được nhiều chính phủ khuyến khích, nhưng trước kia không phổ biến lắm do việc kết nối hết sức phức tạp, khó

khăn. Chính những tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin, đặc biệt là internet, trong những năm gần đây đã cho phép giải quyết một cách hiệu quả việc tìm kiếm và kết nối giữa chủ xe và những người có nhu cầu sử dụng xe, biến ý tưởng này thành một hình thức vận tải đặc biệt hiệu quả.

Nhưng taxi Uber và Grab chỉ là một ví dụ của xu hướng Uber hóa, mà, như chúng tôi đã viết ở trên, đang phát triển mạnh mẽ trong hầu như mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực cho thuê nhà ở chẳng hạn: những gia đình hoặc cá nhân có thừa một vài phòng trong một khoảng thời gian nhất định có thể thông qua một công ty dịch vụ kiểu Uber để cho những người có nhu cầu phù hợp thuê với cái giá thấp hơn so với giá khách sạn thông thường. Dịch vụ này giúp tăng thu nhập cho chủ căn hộ, tăng hiệu suất sử dụng của căn phòng nhưng người thuê cũng được hưởng lợi.

Ý tưởng phát triển dịch vụ dùng chung cũng có thể áp dụng với những đồ vật hay dụng cụ khác. Ở Pháp, chẳng hạn, từng có một trào lưu mua thuyền buồm. Hàng ngàn chiếc thuyền buồm được mua và neo buộc tại các cảng khắp nước Pháp nhưng tần suất sử dụng rất thấp. Liệu có cần hoặc có nên mua những chiếc thuyền đắt tiền như vậy để chỉ sử dụng một vài lần mỗi năm? Rộng hơn, sự nhận thức lại về môi trường khiến chúng ta phải đặt câu hỏi: liệu có cần thiết không khi chúng ta sử dụng quá nhiều nguyên vật liệu để sản xuất những đồ vật ít khi dùng đến? Điều này đúng ngay cả với những đồ gia dụng thông thường. Ví dụ, trước đây mỗi gia đình thường có một bộ dụng cụ: một cái máy khoan, một cái cưa, một cái máy bơm... mà tần suất sử dụng rất thấp, có những đồ cả năm không hề sử dụng lần nào. Rõ ràng, sẽ thông minh hơn nhiều nếu chúng ta thuê những dụng cụ này mỗi khi cần đến.

Xu hướng Uber hóa cũng có ảnh hưởng, hay ít nhất là liên quan, đến một lối sống mới đang hình thành: lối sống chia sẻ. Chẳng hạn, ngày càng có nhiều bạn trẻ không có chủ trương mua mà chỉ thuê nhà. Việc thuê nhà cho phép người ta sống trong những điều kiện tốt, dễ thay đổi tùy theo ý thích và công việc mà không đòi

hỏi đầu tư lớn - điều cực kỳ quan trọng trong một xã hội không ngừng biến đổi, khi các cá nhân thường xuyên thay đổi nơi làm việc, thường xuyên di chuyển, thường xuyên thay đổi đối tác - không chỉ đối tác làm ăn mà cả đối tác trong quan hệ tình cảm.

Uber hóa là một xu hướng không thể tránh khỏi còn bởi vì trái đất của chúng ta đã quá tải, đã bị khai thác cạn kiệt. Uber hóa, vì thế, cũng là một thái độ văn minh trong ứng xử với thiên nhiên. Nó phản ánh sự trưởng thành đáng kể của nhân loại trong tư duy về tài sản. Trong quá khứ, do hoàn cảnh sống bấp bênh mà cội nguồn sâu xa là nền sản xuất thấp kém, người ta có xu hướng tích lũy tài sản càng nhiều càng tốt. Thế nhưng khi nền sản xuất đã phát triển hơn và năng suất lao động đã cao hơn, khi điều kiện sống đã được đảm bảo, con người sớm hay muộn cũng sẽ nhận thấy rằng là việc tích trữ là không cần thiết. Về điểm này, chúng tôi thấy Marx đã tiên đoán rất chính xác. Nhiều người nghĩ rằng vì lòng tham của con người là vô bờ nên không thể có cái viễn cảnh đẹp đẽ “Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” của Chủ nghĩa cộng sản. Thế nhưng thực tiễn đang cho thấy rằng cuộc sống sẽ thay đổi. Phương thức sản xuất thay đổi thì tâm lý con người ta cũng sẽ thay đổi. Khi nền kinh tế tri thức lên ngôi, khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho phép đảm bảo ở mức cao các nhu cầu vật chất và tinh thần của con người, cái nhu cầu tích trữ và lòng tham tưởng chừng cố hữu của con người cũng sẽ ngày càng giảm đi.

3.2. Xu hướng Uber hóa trong giáo dục đại học

Bây giờ xin trở lại đề tài của chúng ta về giáo dục đại học. Những cuộc thảo luận gần đây ở Việt Nam về đại học 4.0 đề cập đến nhiều khía cạnh, nhưng theo chúng tôi, khía cạnh quan trọng nhất chính là xu hướng Uber hóa các nguồn lực, bao gồm cả nhân lực, vật lực và chương trình đào tạo.

3.2.1. Uber hóa học liệu

Xu hướng Uber hóa học liệu là hệ quả trực tiếp của công nghệ số và internet và quá trình này vẫn đang tiếp tục diễn ra một cách mạnh mẽ và toàn diện.

Uber hóa học liệu bắt đầu bằng sự kết nối đơn thuần về mặt thông tin giữa các thư viện thông qua internet nhằm giúp người đọc xác lập được sự tồn tại và tình trạng của các học liệu cụ thể tại các địa chỉ cụ thể, từ đó có thể tiếp cận để khai thác chúng theo phương thức truyền thống. Tuy nhiên, sự kết nối giữa các thư viện nhanh chóng chuyển sang một cấp độ sâu sắc hơn, đó là kết nối về nội dung: Các học liệu được số hóa và chia sẻ, cho phép người đọc dễ dàng tìm kiếm các học liệu cần thiết, và trong nhiều trường hợp, tải nội dung xuống để sử dụng. Việc tải nội dung học liệu xuống để sử dụng trong nhiều trường hợp là hoàn toàn miễn phí, nhưng ngay cả trong trường hợp mất phí thì chi phí cho việc mua tài liệu cũng giảm đi đáng kể.

Nhưng xu hướng Uber hóa học liệu không chỉ giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, mà còn làm thay đổi cách chúng ta khai thác học liệu. Một ưu thế rất lớn của các tài liệu số hóa là khả năng liên kết - cả liên kết nội văn bản và liên kết liên văn bản, giúp người sử dụng tìm kiếm, trích dẫn và kiểm tra nguồn học liệu một cách nhanh chóng và chính xác.

3.2.2. Uber hóa cơ sở vật chất

Ngoài học liệu, xu hướng Uber hóa cũng xuất hiện và rất nên được khuyến khích trong việc quản lý và khai thác các cơ sở vật chất, hậu cần khác phục vụ cho công tác dạy và học. Hiện nay, mỗi trường đại học, mỗi viện nghiên cứu đều có những cơ sở vật chất tương tự nhau: hội trường lớn, hội trường nhỏ, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, sân vận động, bể bơi, phòng tập thể thao và vô số các thiết bị chuyên dụng... Rất nhiều trong số những cơ sở vật chất đó có tần suất sử dụng rất thấp. Việc Uber hóa sẽ giúp các cơ sở đào tạo đại học tổ chức, khai thác và sử dụng các cơ sở vật chất và hậu cần hiệu quả hơn. Chẳng hạn, nhờ các ứng dụng của công nghệ thông tin, một nhóm các trường đại học và viện nghiên cứu có thể luân phiên sử dụng chung các hội trường, quảng trường... Uber hóa không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất, tiết kiệm ngân sách, tiết kiệm nguồn lực, nó còn giúp cải thiện chất lượng đào tạo và nghiên cứu nhờ hợp lý hóa và tối ưu hóa các nguồn lực.

3.2.3. Uber hóa giảng viên

Theo chúng tôi, rất nhiều quy định liên quan đến giảng viên không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới đang trở thành lạc hậu so với thực tiễn. Chẳng hạn, trong quy định về mở ngành đào tạo ở bậc đại học, Thông tư năm 2017 của Bộ GD-ĐT Việt Nam yêu cầu cơ sở đại học phải có tối thiểu 10 giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ (ThS) trở lên cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo, trong đó ít nhất 1 TS và 4 ThS, hoặc 2 TS và 2 ThS cùng ngành đăng ký đào tạo. Thông tư này cũng quy định, giảng viên cơ hữu phải giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng chương trình đào tạo. Trong hoạt động đảm bảo chất lượng, người ta cũng đòi hỏi các đơn vị đào tạo phải đảm bảo một tỷ lệ giảng viên và diện tích sử dụng trên đầu sinh viên, học viên [5].

Chúng tôi cho rằng những quy định như vậy đã lỗi thời, bởi vì trong xã hội chia sẻ hiện nay, chúng ta cần phải tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, cả nguồn lực con người lẫn nguồn lực vật chất, bằng cách chia sẻ. Nói cách khác, điều cần làm là Uber hóa chúng để nâng cao hiệu quả sử dụng, chứ không nên xem các nguồn lực đó như là những nguồn dự trữ. Xin lấy ví dụ, khi mở ngành, điều quan trọng nhất là nhu cầu của xã hội. Khi có nhu cầu của xã hội thì có người học, và khi có người học thì sẽ có người dạy. Chúng ta cũng không nhất thiết phải quy định cứng nhắc về giảng viên cơ hữu, bởi vì là các giảng viên chỉ đảm nhiệm một vài môn nhất định và điều quan trọng là họ giảng dạy như thế nào, chứ không phải là họ thuộc biên chế ở đâu. Một số môn học có thời lượng rất ít trong mỗi chương trình, giảng viên phụ trách môn học ấy cần phải dạy cho nhiều trường. Quy định về ngành đúng và ngành gần cũng có vấn đề, bởi nó hạn chế tính sáng tạo của giảng viên, đặc biệt trong thời đại hiện nay, khi tính liên ngành đang ngày càng trở nên một đòi hỏi của tất cả các ngành đào tạo.

3.2.4. Uber hóa chương trình và sự xuất hiện của đại học phi học đường

Quy định cứng nhắc về giảng viên cơ hữu còn lỗi thời vì một lý do khác thậm chí còn quan trọng hơn: với sự phát triển của công nghệ thông tin, vai

trò của người thầy ngày càng trở nên không cần thiết nữa. Đến lượt mình, sự suy giảm vai trò của người thầy cần đặt trong một bức tranh rộng lớn hơn, đó là xu hướng Uber hóa chương trình và *phi học đường* hóa giáo dục đại học.

Dựa trên nền tảng là kho học liệu số hóa và Uber hóa nhờ kết nối internet, thêm nữa, với sự hỗ trợ ngày càng hiệu quả của trí tuệ nhân tạo, người học ngày càng ít cần đến sự hướng dẫn của thầy. Trong tương lai không xa, người học thậm chí không cần đến nhà trường - Điều quan trọng bây giờ là: người học tiếp thu nội dung bài học được như thế nào, chứ không phải là tiếp thu ở đâu. Chúng ta có thể tiên đoán rằng đã đến lúc các trường đại học chỉ cần công bố chương trình cùng nội dung các môn học và yêu cầu cần phải đạt được sau khi hoàn thành các môn học ấy, còn người học có toàn quyền lựa chọn học ở đâu và dưới hình thức nào. Nếu người học thi đạt yêu cầu các môn học và tích lũy đủ số tín chỉ, họ có thể được cấp bằng.

Như vậy, nếu công tác khảo thí cũng do một tổ chức độc lập tiến hành thì có lẽ vai trò của trường đại học chủ yếu sẽ chỉ còn ở công việc soạn thảo chương trình. Nói cách khác, trường đại học thực chất chỉ còn là xưởng thiết kế chương trình mà thôi.

4. Thay lời kết: Từ tinh hoa đến phổ cập và đại học cá nhân hóa

Những phân tích trên đây cho thấy rằng giáo dục đại học đã và đang thay đổi căn bản về chất. Từ một thiết chế đặc biệt chỉ dành cho giới *tinh hoa*, trường đại học đã trở thành một thiết chế *đại chúng* sau những biến cố năm 1968. Kể từ đó, giáo dục đại học ngày càng mang tính *phổ cập*. Nhưng tác động của các công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ thông tin, cùng với sự phổ biến của internet và trí tuệ nhân tạo đang thúc đẩy xu hướng Uber hóa còn khiến cho giáo dục đại học thay đổi nhanh có và sâu sắc hơn. Giáo dục đại học đang ngày càng trở nên *cá nhân hóa*. Điều này đồng nghĩa với sự suy giảm vai trò của trường đại học và rất có thể cũng là sự tiêu vong của thiết chế đặc biệt này.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được Đại học Quốc gia Hà Nội tài trợ trong khuôn khổ đề tài mã số QG.18.41.

Tài liệu tham khảo

- [1] Graff, Gerald, *Beyond the Culture Wars: How Teaching the Conflicts Can Revitalize American Education*, New York: Norton, 1993.
- [2] Readings, Bill, *The University in Ruins*, Cambridge: Harvard U.P, 1996.
- [3] Kant, Immanuel, *The Conflict of the Faculties* [1798], trans. Mary J. Gregor, New York: Abaris Books, 1979.
- [4] Kant, Immanuel, *What is Enlightenment?* 1784.
- [5] Bộ giáo dục và đào tạo, Thông tư Số 22/2017/TT-BGDĐT, Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.